

Số: /QĐ-BNN-CN

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án “Phát triển bền vững ngành Dâu Tằm Tơ Việt Nam”

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050;

Căn cứ Quyết định số 1520/QĐ-TTg ngày 06/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chiến lược Phát triển Chăn nuôi giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045”;

Căn cứ Quyết định số 1741/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Đề án Phát triển công nghiệp sản xuất giống vật nuôi đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định số 4066/QĐ-BNN-TCCB ngày 04/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Chăn nuôi;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Chăn nuôi.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án “Phát triển bền vững ngành Dâu Tằm Tơ Việt Nam” gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Phát huy tiềm năng, lợi thế của các vùng sinh thái gắn với nghề truyền thống về Dâu Tằm Tơ (sau đây viết tắt là DTT) của địa phương để phát triển bền vững ngành DTT theo chuỗi giá trị, truy xuất được nguồn gốc sản phẩm và thương hiệu lụa tơ tằm Việt Nam, đẩy mạnh xuất khẩu, nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

2. Phát triển ngành DTT hàng hóa gắn với dịch vụ du lịch sinh thái theo hướng chuyên nghiệp hóa, hiện đại hóa trên cơ sở phát huy kinh nghiệm phù hợp từ nghề nuôi tằm, tạo sinh kế, tăng thu nhập cho người dân, doanh nghiệp, góp phần thực hiện thành công tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông

thôn mới.

3. Ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ mới, nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh của ngành DTT.

4. Xã hội hóa và hội nhập quốc tế các hoạt động trong ngành DTT.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển bền vững nghề trồng dâu, nuôi tằm tạo việc làm, nâng cao đời sống của người dân nông thôn góp phần phát triển kinh tế và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Phát triển ngành DTT thân thiện với môi trường, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên theo hướng bán công nghiệp, công nghiệp, an toàn dịch bệnh, truy xuất nguồn gốc, nâng cao năng suất và sản lượng dâu tằm, mở rộng thị trường xuất khẩu cho sản phẩm tơ, đáp ứng yêu cầu chất lượng, an toàn thực phẩm cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

Đến năm 2030 giá trị sản xuất của ngành DTT đạt 6.500 – 7.100 tỷ đồng (260 – 280 triệu USD), giá trị xuất khẩu đạt 140 – 150 triệu USD, tạo việc làm cho 110.000 – 120.000 người.

III. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nội dung và nhiệm vụ

a) Hình thành vùng sản xuất hàng hóa tập trung nguyên liệu dâu tằm

- Diện tích trồng dâu tằm đạt 15.000 - 16.000 ha, diện tích sử dụng giống dâu mới, dâu lai đạt 12.800 – 13.000 ha, diện tích trồng dâu ứng dụng công nghệ cao đạt 2.300 – 3.000 ha; năng suất lá dâu vùng Tây Nguyên đạt 30 – 35 tấn/ha, miền Bắc và miền Trung đạt 35 - 40 tấn/ha, tổng sản lượng lá dâu đạt 530.000 - 600.000 tấn.

- Sản lượng kén tằm đạt 20.000 - 22.000 tấn, sản lượng tơ tằm đạt 1.700 - 1.800 tấn. Cung cấp giống tằm đảm bảo chất lượng phục vụ nhu cầu sản xuất; trong đó, giống sản xuất trong nước đáp ứng đủ giống tằm đa hệ, tằm thâu dầu lá sản và đáp ứng ít nhất 15% giống tằm lưỡng hệ kén trắng.

- Xây dựng vùng sản xuất hàng hóa tập trung nguyên liệu dâu tằm tại vùng Tây Nguyên, lấy tỉnh Lâm Đồng làm trung tâm của vùng để hình thành chuỗi giá trị từ trồng dâu, nuôi tằm, kéo tơ, dệt lụa gắn với du lịch và xuất khẩu.

- Xây dựng vùng sản xuất hàng hóa tập trung nguyên liệu dâu tằm tại vùng Trung Du và miền Núi phía Bắc, lấy tỉnh Yên Bái làm trung tâm của vùng để hình thành chuỗi giá trị từ trồng dâu, nuôi tằm, kéo tơ gắn tiêu dùng nội địa và xuất khẩu.

- Xây dựng vùng sản xuất hàng hóa tập trung nguyên liệu dâu tằm tại vùng Đồng bằng Sông Hồng, lấy tỉnh Thái Bình làm trung tâm của vùng để hình thành

chuỗi giá trị từ trồng dâu, nuôi tằm, ươm tơ, dệt lụa truyền thống gắn với du lịch, tiêu dùng nội địa và xuất khẩu.

- Tùy theo điều kiện sinh thái, điều kiện kinh tế xã hội và chiến lược phát triển ngành DTT của địa phương, các tỉnh xây dựng kế hoạch tổng thể phát triển ngành này ở địa phương, trong đó có quy hoạch vùng chuyên canh dâu tằm theo nguyên tắc liền vùng, liền thửa và phát huy được lợi thế so sánh của vùng.

b) Duy trì phát triển nghề trồng dâu, nuôi tằm

- Từng bước xây dựng và hoàn thiện hệ thống nhân giống tằm. Giai đoạn đầu, lấy các cơ sở sự nghiệp về nghiên cứu, chọn tạo giống tằm do Nhà nước quản lý làm hạt nhân để bồi dục giống, nhân giống gốc và giống cấp 1, các tổ chức tư nhân làm vệ tinh tham gia nhân giống cấp 2. Giai đoạn sau, huy động sự tham gia của các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp ươm tơ để đảm bảo vùng nguyên liệu cho chính các doanh nghiệp này.

- Cập nhật, trình ban hành và phổ biến quy trình nuôi tằm con tập trung, yêu cầu kỹ thuật cơ sở nuôi tằm con tập trung và 4 quy trình nhân giống tằm ở các cấp giống bao gồm giống bồi dục, giống gốc, giống cấp 1 và giống cấp 2.

- Nâng cấp các cơ sở nuôi tằm con tập trung thông qua đầu tư hạ tầng, trang thiết bị và kỹ thuật, đảm bảo cung cấp tằm con chất lượng cao cho người nuôi tằm lớn.

- Hướng dẫn, khuyến khích các tổ chức, cá nhân hiện đang nhập khẩu trứng tằm thành lập doanh nghiệp và làm các thủ tục cần thiết để nhập khẩu trứng giống tằm chính ngạch, thực hiện đăng ký loại giống tằm nhập khẩu và nhập đúng chủng loại đã đăng ký để đảm bảo chất lượng trứng giống đáp ứng nhu cầu sản xuất và quyền lợi người nuôi tằm.

c) Phát triển công nghệ dệt (thủ công, công nghiệp) từ sợi tơ tằm và các sản phẩm khác

Phát huy bản sắc nghề dệt thủ công, cải tiến hoa văn, mẫu mã, phát triển các sản phẩm thời trang trong phân khúc cao cấp: trang phục lễ hội, trang phục truyền thống, các sản phẩm thời trang mới có giá trị gia tăng cao.

Đổi mới công nghệ sản xuất, áp dụng các thành tựu khoa học (tự động hóa, số hóa) trong các khâu dệt, nhuộm, in hoa và hoàn thiện sản phẩm để nâng cao giá trị gia tăng của vải lụa tơ tằm, các sản phẩm từ tơ tằm.

2. Giải pháp thực hiện

a) Ứng dụng KH-CN, chọn tạo nguồn tằm giống, dâu giống có năng suất, chất lượng phù hợp nuôi tằm ở các vùng sinh thái

- Giống tầm:

+ Bảo tồn, phát triển và khai thác hiệu quả các giống tầm đa hệ bản địa nguyên chủng để làm nguyên liệu chọn lọc, nhân thuần phù hợp với vùng sinh thái, hình thức sản xuất để phát triển sản phẩm OCOP của làng nghề dâu tầm tơ ở các địa phương có giá trị gia tăng cao gắn với du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp.

+ Nhập khẩu các giống tầm lưỡng hệ có năng suất, chất lượng cao, có tính kháng bệnh để bồi dục, chọn tạo, nhân giống tầm để mở rộng chủ yếu cho hình thức nuôi tầm chuyên nghiệp tại vùng chuyên canh nguyên liệu dâu tầm.

- Giống dâu:

+ Nghiên cứu ứng dụng công nghệ di truyền thực vật để tạo đột phá về năng suất, chất lượng, khả năng kháng bệnh, phù hợp với cắt cành và thích ứng với biến đổi khí hậu của các giống dâu mới.

+ Vùng Tây Nguyên: xây dựng và duy trì vườn dâu giống siêu nguyên chủng đảm bảo cung cấp hom dâu giống đầu dòng tại Bảo Lộc, Lâm Đồng; duy trì 30 ha đã xây dựng và tiếp tục mở rộng vườn dâu giống nguyên chủng làm cơ sở để phát triển sản xuất hom dâu giống đáp ứng nhu cầu trồng mới hàng năm cho vùng.

+ Miền Bắc và miền Trung: tiếp tục xây dựng vườn bố mẹ sản xuất hạt dâu lai F1 tiêu chuẩn tại Hà Nội và Trạm Thái Bình, phát triển các vườn gieo ươm cây dâu giống đảm bảo kỹ thuật tại Hải Dương, Thái Bình và một số tỉnh miền Trung.

- Cập nhật, ban hành và phổ biến quy trình trồng dâu, quy trình nuôi tầm (bao gồm cả kiểm soát dịch bệnh) cho vùng Tây Nguyên và các tỉnh miền Bắc, miền Trung.

b) Tổ chức sản xuất

- Các địa phương định hướng phát triển vùng trồng dâu trong các phương án có quy hoạch liên quan (quy hoạch tỉnh, quy hoạch sử dụng đất); định hướng phát triển nghề nuôi tầm, nghề dệt sợi tơ tầm và các sản phẩm khác từ con tầm.

- Đổi mới tổ chức sản xuất (HTX, doanh nghiệp, ...). Hình thành phát triển hợp tác xã, lấy cơ sở nuôi tầm con tập trung làm nòng cốt để vừa cung cấp đủ con giống, vật tư kỹ thuật, phòng bệnh, vừa đảm bảo tiêu thụ sản phẩm kén cho nông dân nuôi tầm. Hình thành chuỗi liên kết gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ sản phẩm. Đa dạng hóa thị trường tiêu thụ, đảm bảo cạnh tranh lành mạnh, minh bạch về giá, cấp chất lượng và quyền lợi người nuôi tầm. Các doanh nghiệp chế biến tơ tầm ngoài việc hình thành chuỗi liên kết với các hợp tác xã để thu mua kén tầm, cần quan tâm hình thành vùng nguyên liệu riêng của chính doanh nghiệp để ổn định nguyên liệu cho sản xuất.

- Đổi mới hệ thống canh tác dâu theo hướng dâu thu hoạch cành thay thế cho hái lá để phù hợp với chủ trương công nghiệp hóa, hiện đại hóa nghề tằm. Áp dụng cơ giới hóa trong canh tác ở các khâu cày, xới, làm cỏ, chủ động tưới cho dâu nhất là khu vực Tây Nguyên.

- Đổi mới công nghệ từ nuôi tằm trên nền nhà sang nuôi tằm trên giá nhiều tầng trong nhà nuôi có điều hòa nhiệt độ, nhất là với khu vực miền Bắc và miền Trung. Đối với khu vực Tây Nguyên có thể phát triển công nghệ nuôi tằm trên giá nhiều tầng để tiết kiệm chi phí nhưng nhà nuôi phải đảm bảo thông thoáng tránh sốc nhiệt vào buổi trưa dẫn tới tằm bị bệnh, không nở tơ.

- Ưu tiên xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế kỹ thuật và các quy trình kỹ thuật trồng dâu, nuôi tằm, phòng bệnh khác nhau phục vụ cho người trồng dâu nuôi tằm.

- Đổi mới công nghệ ươm tơ từ cơ khí hóa sang tự động hóa, nâng cao chất lượng tơ tằm thông qua chuẩn hóa nguyên liệu kén tằm qua phân loại kén, bảo quản, bóc vỏ, nấu kén đáp ứng nhu cầu khách hàng mua tơ cấp cao 3A - 4A hoặc 5A - 6A. Chuyển đổi cơ bản ươm tơ thủ công dùng than sang dùng điện.

c) Về thương mại

Đối với kén tằm:

- Mở rộng thị trường kén tằm trong nước thông qua các kênh thông tin truyền thông, đặc biệt qua các mạng xã hội để cung cấp đầy đủ thông tin cho các đối tác trong ngành DTT.

- Đầu tư cho chế biến sâu, đa dạng hóa các sản phẩm từ tơ, lụa, lá dâu, kén, nhộng, nâng cao giá trị gia tăng, gắn với xúc tiến thương mại để đa dạng hóa thị trường xuất khẩu và mở rộng thị trường trong nước. Xúc tiến đầu tư trong nước, FDI trong chế biến sâu từ kén tằm để sản xuất mỹ phẩm, dược phẩm, thức ăn chăn nuôi.

Đối với tơ tằm:

- Xây dựng thương hiệu tập thể cho tơ tằm Việt Nam (Vietnam Silk) để khai thác thế mạnh truyền thống lâu đời và tiếng tăm đã có từ lâu. Tạo thêm uy tín cho các doanh nghiệp ươm tơ, chế biến tơ tằm khi tham gia thị trường quốc tế.

- Phát triển thị trường tiêu thụ, giữ vững, ổn định những thị trường xuất khẩu tơ tằm đã có, nhất là thị trường Ấn Độ. Tìm kiếm, kết nối với những thị trường mới, với nhiều nước nhỏ để giảm bớt sự phụ thuộc vào một thị trường duy nhất. Chú trọng thị trường Thái Lan, Pháp, Trung Quốc, Hàn Quốc, Papua New Guinea, Nhật Bản.

- Hỗ trợ chuyển giao công nghệ cho các làng nghề dệt lụa truyền thống phát triển dệt lụa và chế biến các sản phẩm từ tơ tằm, tạo thị trường tiêu thụ trong nước về sản phẩm tơ lụa chất lượng cao.

- Khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động trong lĩnh vực dệt lụa và chế biến sản phẩm từ tơ tằm nhằm phát triển thị trường tiêu thụ nội địa, nhất là các doanh nghiệp ương tơ hiện đang có sẵn nguồn tơ tằm trong nước.

- Giám sát cộng đồng đối với những biểu hiện gian lận thương mại, hàng giả, hàng kém chất lượng, những hành vi lợi dụng uy tín của tơ tằm để sản xuất kinh doanh những mặt hàng không liên quan gì tới tơ tằm.

d) Hoàn thiện cơ chế chính sách phát triển ngành Dâu Tằm Tơ

- rà soát cơ chế, chính sách liên quan đến xây dựng sản phẩm dâu tằm tơ ở quy mô công nghiệp theo hướng chuỗi giá trị gắn với vùng chuyên canh nguyên liệu dâu tằm.

- Tích hợp nội dung chính sách hỗ trợ cơ sở trồng dâu, nuôi tằm bị thiên tai, dịch bệnh trong chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp.

- Ưu tiên kinh phí để tăng cường hoạt động quản lý của nhà nước trong việc kiểm soát chất lượng, truy xuất nguồn gốc sản phẩm của ngành DTT.

- Đưa các giống dâu, giống tằm có năng suất, chất lượng, kháng bệnh cao và các tiến bộ kỹ thuật đã được công nhận vào Chương trình trợ giá giống gốc nông nghiệp do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý.

- Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các doanh nghiệp tham gia đầu tư vào sản xuất trứng giống tằm nội địa thay thế cho nhập khẩu.

- Ưu tiên bố trí kinh phí hàng năm từ chương trình khuyến nông, chương trình nông thôn mới ở các cấp cho hoạt động đào tạo/tập huấn, xây dựng mô hình, truyền thông về nghề DTT cho các đối tượng khác nhau, đặc biệt là các đối tượng chính sách, đồng bào dân tộc thiểu số, phụ nữ và nông dân.

đ) Kiểm soát dịch bệnh và nguồn gốc sản phẩm

- Triển khai hằng năm chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát vệ sinh thú y và an toàn dịch bệnh đối với cơ sở nuôi tằm.

- Xây dựng, trình ban hành quy trình kiểm soát an toàn sinh học cho các cơ sở nuôi tằm giống để làm tiền đề xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh, vùng an toàn dịch bệnh, vùng an toàn sinh học.

- Nghiên cứu ứng dụng các giải pháp tổng hợp để điều trị bệnh trên tằm và dâu góp phần bảo đảm chất lượng, an toàn đối với sản phẩm từ dâu, tằm.

- Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân nhập khẩu trứng giống tầm, đăng ký giống tầm và các nội dung kiểm dịch đã thực hiện từ phía Trung Quốc đồng thời ký cam kết nhập khẩu đúng loại giống, nội dung kiểm dịch đã đăng ký.

- Thực hiện chuyển đổi số và xây dựng cơ sở dữ liệu ở các khâu trong chuỗi giá trị sản phẩm ngành DTT để phục vụ cho việc truy xuất nguồn gốc, phòng chống gian lận thương mại đối với các sản phẩm của ngành.

- Nghiên cứu phát triển các phương pháp thử nghiệm ứng dụng công nghệ cao trong phân tích đồng vị phóng xạ đối với các bon (đặc biệt là tỷ lệ các bon $^{13}\text{C}/^{12}\text{C}$) để phục vụ truy xuất nguồn gốc sản phẩm tơ, lụa của ngành DTT.

e) Hợp tác quốc tế và đào tạo nguồn nhân lực

- Hợp tác quốc tế:

- Chủ động phối hợp với Bộ Công Thương trong việc giải quyết các tranh chấp thương mại về tơ lụa (nếu có) trên cơ sở bình đẳng theo quy định của WTO và luật pháp quốc tế;

- Tìm kiếm cơ hội hợp tác quốc tế, đầu tư nước ngoài, hỗ trợ kỹ thuật nhằm chủ động phát triển ngành dâu tầm tơ có quy hoạch vùng, công nghệ tiên tiến, đầu tư khoa học và có chọn lọc nhằm thúc đẩy ngành công nghiệp dệt vải và mỹ phẩm.

- Đào tạo, tập huấn nguồn nhân lực:

+ Xây dựng và thực hiện chương trình đào tạo/tập huấn nâng cao năng lực quản lý nhà nước về các côn trùng sản xuất (trong đó có trồng dâu, nuôi tầm) cho cán bộ quản lý nhà nước các cấp.

+ Tổ chức các lớp tập huấn chuyển giao quy trình kỹ thuật mới về trồng dâu nuôi tầm cho hộ nông dân và các liên kết sản xuất; phổ biến, hướng dẫn quy định pháp luật cho cơ sở sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu giống tầm.

3. Các nhiệm vụ ưu tiên

3.1. Nghiên cứu, phát triển giống tầm dâu, giống tầm sắn, giống dâu nuôi tầm;

3.2. Xây dựng TCVN về chất lượng sản phẩm kén tầm;

3.3. Xây dựng liên kết vùng trồng dâu, nuôi tầm;

3.4. Phát triển thức ăn bổ sung cho tầm;

3.5. Nghiên cứu ứng dụng các hoạt chất có trong dâu, tầm, tơ chế biến thực phẩm chức năng và hóa mỹ phẩm;

3.6. Phát triển hệ thống nhân giống dâu, giống tầm và phổ biến công nghệ mới của ngành DTT thông qua Dự án “Phổ biến giống và công nghệ chất lượng

cao nhằm nâng cao giá trị gia tăng nghề trồng dâu nuôi tằm ở miền Núi Việt Nam” do Hàn Quốc tài trợ;

3.7. Nâng cấp công nghệ, máy móc dệt lụa và xây dựng thương hiệu liên quan đến ngành DTT dựa trên hợp tác, đổi mới sáng tạo và sở hữu trí tuệ.

(chi tiết tại Phụ lục đính kèm)

IV. NGUỒN LỰC TRIỂN KHAI

1. Huy động nguồn vốn

- Nguồn ngân sách nhà nước cấp theo quy định, dự kiến 29.850 triệu đồng
- Lồng ghép trong các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình mục tiêu, chương trình, kế hoạch, dự án khác.
- Nguồn vốn vay ưu đãi, vốn ODA, dự kiến 75.000 triệu đồng.
- Tổ chức, cá nhân đầu tư và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác, dự kiến 10.000 triệu đồng.

2. Sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư chăn nuôi

- Ngân sách nhà nước ưu tiên đầu tư cho phát triển hạ tầng kỹ thuật phục vụ nghiên cứu, đào tạo nguồn nhân lực; nâng cao năng lực quản lý ngành DTT;
- Vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) do Hàn Quốc tài trợ ưu tiên đầu tư xây dựng hệ thống giống, phổ biến giống mới và công nghệ mới trong trồng dâu nuôi tằm, hỗ trợ đổi mới công nghệ dệt, nhuộm và xây dựng thương hiệu quốc gia cũng như thương hiệu làng nghề;
- Đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước đầu tư vào các hoạt động sản xuất, kinh doanh, chế biến, thị trường tiêu thụ, thử nghiệm chứng nhận sản phẩm của ngành DTT theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Vụ Kế hoạch, Vụ Tài chính

- Xây dựng kế hoạch từng bước thực hiện Đề án theo lộ trình của Đề án đã trình Bộ phê duyệt;
- Bố trí vốn thực hiện Đề án đến năm 2030, bao gồm cả vốn ngân sách, vốn ODA và vốn đối ứng theo văn kiện các Dự án, trình Bộ phê duyệt..

2. Cục Chăn nuôi

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị, tổ chức, cá nhân và địa phương tổ chức thực hiện Đề án.
- Kiểm tra, giám sát, sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện hàng năm, 05 năm và đề xuất kiến nghị Bộ trưởng quyết định vấn đề phát sinh vượt thẩm quyền bổ sung, điều chỉnh Đề án phù hợp thực tiễn.
- Xây dựng hệ thống giống tằm quốc gia, hệ thống quản lý thông tin, cơ sở

dữ liệu ngành DTT.

- Hoàn thiện, ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia về giống tằm và sản phẩm từ con tằm (tơ, kén).

- Chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng liên kết vùng trong trồng dâu, nuôi tằm để phát triển ngành dâu tằm tơ sản xuất theo chuỗi sản phẩm, doanh nghiệp chế biến gắn với vùng nguyên liệu.

- Thúc đẩy nhanh việc liên kết giữa các khâu sản xuất của ngành DTT, thành lập các THT, HTX, liên hiệp HTX tạo điều kiện thuận lợi trong tiếp cận với doanh nghiệp, để sản xuất các sản phẩm của ngành DTT đáp ứng tiêu chuẩn tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

3. Cục Thú y

- Hướng dẫn các tổ chức cá nhân tham gia xuất, nhập khẩu trứng giống tằm và sản phẩm từ con tằm như (tơ, lụa, đũi..) về thủ tục đăng ký kinh doanh xuất, nhập khẩu, kiểm tra giám sát việc xuất, nhập khẩu đúng chủng loại đã đăng ký.

- Hoàn thiện ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia quy định về bệnh trên tằm.

4. Cục Trồng trọt

- Chỉ đạo phát triển giống dâu siêu nguyên chủng, triển khai trồng vườn giống nguyên chủng làm cơ sở để phát triển sản xuất hom dâu giống đáp ứng đủ nhu cầu trồng mới hàng năm cho các vùng chuyên canh nguyên liệu dâu tằm và cả nước.

- Phối hợp xây dựng, ban hành quy trình nhân giống dâu bằng hom phù hợp cho các vùng chuyên canh nguyên liệu dâu tằm và quy trình nhân giống dâu lai F1 trồng hạt cho các tỉnh miền Bắc, miền Trung.

- Tập trung/Uưu tiên đặt bài cho các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, nhiệm vụ khuyến nông trung ương và các nhiệm vụ có liên quan về nghiên cứu ứng dụng công nghệ di truyền thực vật để tạo đột phá về năng suất, chất lượng, khả năng kháng bệnh, phù hợp với cắt cành và thích ứng với biến đổi khí hậu của các giống dâu mới.

5. Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường

- Phối hợp thực hiện các chương trình quảng bá, giới thiệu sản phẩm từ dâu, tằm tại các diễn đàn, hội chợ trong nước và quốc tế.

- Truyền thông các chuyên đề về các sản phẩm chế biến sâu từ lá dâu, từ con tằm làm thực phẩm chức năng, dược phẩm, thực phẩm và mỹ phẩm cho con người.

6. Cục Quản lý và xây dựng công trình

- Phối hợp với các đơn vị chuyên môn, chuẩn hóa thiết kế xây dựng nhà sản xuất trứng giống tằm, nhà nuôi tằm con tập trung, nhà nuôi tằm lớn trên giá nhiều

tăng trong điều hòa nhiệt độ làm cơ sở để phát triển mở rộng ra sản xuất.

7. Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

- Đẩy mạnh chương trình khuyến nông theo chuỗi giá trị, đa dạng hóa các chương trình truyền thông nhằm từng bước thay đổi nhận thức và các thói quen không phù hợp trong trồng dâu, nuôi tằm, chế biến và tiêu dùng sản phẩm của ngành DTT.

- Tăng cường xây dựng và nhân rộng các mô hình trồng dâu giống mới, nuôi tằm VH2020, nuôi tằm con tập trung, mô hình nuôi tằm lớn trên giá nhiều tầng trong điều hòa nhiệt độ và các mô hình chuyển giao TBKT mới nhất trong ngành.

8. Vụ Hợp tác quốc tế

- Chủ động phối hợp với Bộ Công Thương trong việc giải quyết các tranh chấp thương mại về tơ lụa (nếu có) trên cơ sở bình đẳng theo quy định của WTO và luật pháp quốc tế;

- Tìm kiếm cơ hội hợp tác quốc tế, đầu tư nước ngoài, hỗ trợ kỹ thuật nhằm chủ động phát triển ngành dâu tằm tơ có quy hoạch vùng, công nghệ tiên tiến, đầu tư khoa học và có chọn lọc nhằm thúc đẩy ngành công nghiệp dệt vải và mỹ phẩm.

9. Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường

- Hỗ trợ khảo sát, đánh giá, bảo tồn, khai thác và phát triển nguồn gen các giống dâu, giống tằm bản địa và công tác nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng các TBKT, công nghệ mới, công nghệ tiên tiến để nâng cao chất lượng, truy xuất nguồn gốc cho các sản phẩm từ dâu tằm, tơ lụa;

- Hỗ trợ và chỉ đạo xây dựng các TCVN, QCVN cho ngành DTT để phù hợp với các quy định quản lý trong nước, quy định của quốc gia nhập khẩu, khu vực và quốc tế.

10. Các Viện, Trường

- Tăng cường công tác đào tạo nâng cao nguồn nhân lực cho ngành DTT.

- Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực đào tạo nguồn nhân lực chuyên sâu cho ngành DTT, xây dựng hệ thống giống dâu, giống tằm quốc gia; phổ biến giống mới, kỹ thuật trồng dâu, nuôi tằm, chế biến tiên tiến và xây dựng thương hiệu tơ lụa Việt Nam nhằm nâng cao giá trị gia tăng cho ngành DTT.

- Đề xuất và tập trung nghiên cứu để nâng cao năng suất, chất lượng, thích ứng với biến đổi khí hậu của các giống dâu, giống tằm sản xuất sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn phục vụ xuất khẩu và tiêu dùng trong nước. Phát triển công nghệ trồng dâu, công nghệ nuôi tằm, phòng trừ dịch bệnh, chế biến sản phẩm truyền thống và chế biến các sản phẩm có giá trị gia tăng cao.

- Phối hợp với các tổ chức trong và ngoài nước có liên quan, các địa

phương để bảo tồn các giống dâu, tầm bản địa tạo sản phẩm đặc thù gắn với chỉ dẫn địa lý.

11. Hội, Hiệp hội

- Xây dựng thương hiệu tập thể cho tơ tầm Việt Nam.

- Bảo vệ hội viên/thành viên sản xuất kinh doanh chân chính, cạnh tranh lành mạnh. Đấu tranh, giám sát cộng đồng đối với những biểu hiện gian lận thương mại, hàng giả, hàng kém chất lượng, những hành vi lợi dụng uy tín của tơ tầm để sản xuất kinh doanh những mặt hàng không liên quan tới tơ tầm.

- Tăng cường vai trò của hội, hiệp hội trong việc giải quyết các tranh chấp thương mại quốc tế và hỗ trợ các doanh nghiệp xúc tiến thương mại trong nước và xuất khẩu sản phẩm của ngành DTT.

- Rà soát cơ chế, chính sách liên quan đến ngành DTT, đề xuất Bộ Nông nghiệp và PTNT chính sách mới nhằm huy động được sức mạnh của cộng đồng cho phát triển ngành DTT thời gian tới.

- Phối hợp với các Bộ, ngành tuyên truyền, khuyến khích các cơ sở nuôi tầm, đặc biệt là giống tầm sản xuất theo chuỗi giá trị, truy xuất được nguồn gốc sản phẩm, thực hiện tốt các quy định của pháp luật hiện hành về chăn nuôi, thú y, an toàn thực phẩm và thương mại.

12. Doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu tơ tầm, lụa tơ tầm

- Thực hiện thu mua kén tầm đúng chất lượng, theo giá niêm yết công khai minh bạch, bảo đảm quyền lợi cho người nông dân trồng dâu nuôi tầm.

- Khuyến khích trồng dâu, nuôi tầm phát triển sản xuất bằng nhiều hình thức với các giải pháp phù hợp, hiệu quả để tạo vùng nguyên liệu gắn kết với doanh nghiệp theo chuỗi giá trị là cơ sở để thực hiện việc truy xuất nguồn gốc.

- Xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc điện tử QRcode dựa trên kết nối mã định danh các cơ sở nuôi tầm, ươm tơ - kéo sợi, cơ sở dệt may từ lụa tơ tầm và doanh nghiệp xuất khẩu. Sản xuất sản phẩm theo chuỗi truy xuất nguồn gốc sản phẩm theo mã định danh của cơ sở.

- Áp dụng khoa học công nghệ nâng cấp quy trình sản xuất đáp ứng nhu cầu của khách hàng đối với tơ tầm có chất lượng trung bình cũng như chất lượng cao.

- Thực hiện tốt vai trò phản biện xã hội trong việc xây dựng quy định pháp luật, chính sách hỗ trợ liên quan đến ngành DTT của cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

13. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

- Xây dựng hệ thống quản lý thông tin, cơ sở dữ liệu về cơ sở nuôi tầm, cơ sở thu mua kén tầm, cơ sở ươm tơ - kéo sợi, cơ sở may mặc từ lụa tơ tầm tại địa phương để phục vụ truy xuất nguồn gốc.

- Triển khai hằng năm chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát vệ sinh

thứ y và an toàn sinh học trên địa bàn của địa phương đối với cơ sở nuôi tằm.

- Điều tra định kỳ, đột xuất về ngành DTT ở địa phương để kịp thời chỉ đạo sản xuất, xây dựng kế hoạch và chiến lược phát triển cho phù hợp với điều kiện của địa phương.

- Khuyến khích và hỗ trợ thành lập các doanh nghiệp, liên hiệp HTX, HTX, THT thực hiện các khâu hoặc cả chuỗi giá trị của ngành DTT.

- Tổ chức xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án phù hợp với điều kiện tại địa phương.

- Phối hợp với các Bộ, ban, ngành tuyên truyền hiệu quả của nghề trồng dâu, nuôi tằm trong tái cơ cấu nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, phát triển làng nghề DTT gắn với du lịch ở địa phương.

Điều 3. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Chăn nuôi và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các tổ chức, cá nhân có liên quan, Ủy ban nhân cấp tỉnh và Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Cục: CN, TTr, TY, Chất lượng, Chế biến và PTTT; Cục QL&XDCT;
- Các Vụ: KH, TC, KHCNMT, HTQT;
- TTKNQG, Viện CN, HVNNVN, TTDTTW; TT Thực nghiệm Nông Lâm nghiệp Lâm Đồng;
- Hiệp hội DTT Việt Nam;
- Các doanh nghiệp xuất khẩu tơ tằm, lụa tơ tằm;
- Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Lưu: VT, CN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phùng Đức Tiến

Phụ lục
CÁC NHIỆM VỤ ƯU TIÊN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-CN ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)

STT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến nhu cầu vốn (triệu đồng)	Thời gian triển khai
1	Nghiên cứu, phát triển giống tầm dâu, giống tầm sắn, giống dâu nuôi tầm	<p>- Chọn lọc, lai tạo phát triển các giống tầm dâu, giống tầm sắn, giống dâu ổn định về năng suất và chất lượng đáp ứng yêu cầu sản xuất.</p> <p>- Ứng dụng công nghệ tiên tiến nâng cao năng lực quản lý giống tầm dâu, tầm sắn, giống dâu nuôi tầm phòng trị dịch hại, khai thác, chế biến các sản phẩm từ ngành Dâu Tằm Tơ.</p>	Cục Chăn nuôi	Các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT; cơ quan quản lý địa phương; Trung tâm Nghiên cứu Dâu tằm tơ Trung ương; Trung tâm Nghiên cứu Thực nghiệm Nông Lâm nghiệp Lâm Đồng; cơ sở trồng dâu nuôi tầm.	9.000	2025 -2030
2	Xây dựng TCVN về chất lượng sản phẩm kén tằm	Tăng cường hiệu lực công tác quản lý Nhà nước về sản phẩm kén tằm nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu thị hiếu của người tiêu dùng trong và ngoài nước	Cục Chăn nuôi	Các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT; Các Viện, Trường; cơ quan quản lý địa phương; Trung tâm Nghiên cứu Dâu tằm tơ Trung ương; doanh nghiệp; cơ sở nuôi tầm.	350	2025-2026

STT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến nhu cầu vốn (triệu đồng)	Thời gian triển khai
3	Xây dựng liên kết vùng trong trồng dâu, nuôi tằm	<p>- Phát triển ngành dâu tằm tơ sản xuất theo chuỗi sản phẩm, doanh nghiệp chế biến gắn với vùng nguyên liệu.</p> <p>- Nâng cao năng lực các cơ sở cung ứng giống tằm, giống dâu, từng bước hoàn thiện hệ thống nhân giống và phát triển giống tằm, giống dâu đặc biệt khuyến khích các cơ sở nuôi tằm cấp II để cung cấp giống cho sản xuất.</p>	Cục Chăn nuôi	<p>Các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT; Cơ quan quản lý địa phương;</p> <p>Trung tâm Nghiên cứu Dâu tằm tơ Trung ương; Trung tâm Nghiên cứu Thực nghiệm Nông lâm nghiệp Lâm Đồng; cơ sở trồng dâu, nuôi tằm.</p>	10.000	2026-2030
4	Phát triển thức ăn bổ sung cho tằm	- Sản xuất thức ăn bổ sung, từ các nguồn nguyên liệu trong nước để sử dụng, bảo quản; tăng cường dinh dưỡng tăng năng suất và chất lượng tơ kén	Cục Chăn nuôi	<p>Các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT; Cơ quan quản lý địa phương;</p> <p>Các đơn vị nghiên cứu; doanh nghiệp.</p>	500	2028-2030
5	Nghiên cứu ứng dụng các hoạt chất có trong dâu, tằm, tơ chế biến thực phẩm chức năng và hóa mỹ phẩm.	Chế biến sâu các sản phẩm có hoạt chất được tách chiết từ lá dâu, con tằm, tơ kén. Sản xuất thực phẩm chức năng chống mất ngủ, ổn định huyết áp, chữa trị bệnh tiểu đường; sản xuất mỹ phẩm từ silk protein	Cục Chăn nuôi	<p>Các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT; Cơ quan quản lý địa phương;</p> <p>Các đơn vị nghiên cứu; doanh nghiệp.</p>	10.000	2028-2030

STT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến nhu cầu vốn (triệu đồng)	Thời gian triển khai
6	Phát triển hệ thống nhân giống dâu, giống tằm và phổ biến công nghệ thông qua Dự án “Phổ biến giống và công nghệ chất lượng cao nhằm nâng cao giá trị gia tăng nghề trồng dâu nuôi tằm ở miền Núi Việt Nam”	<p>Tăng tỷ lệ tự cung cấp trứng tằm kén trắng trong nước lên 8% (40.000 hộp)</p> <p>Mở rộng dâu giống mới: 150 ha (300 hộ); 05 cơ sở nuôi tằm con; 03 mô hình nuôi tằm lớn kiểu Hàn Quốc</p> <p>Năng suất kén tăng từ 1,3 tấn/ha → 1,5 tấn.</p> <p>Thu nhập cho nông dân: đạt 225 triệu đồng, tăng 15%.</p> <p>Phát triển các sản phẩm chế biến và thành lập khu triển lãm, bảo tàng nghề dâu tằm tơ lụa.</p>	Trung tâm Nghiên cứu Dâu tằm tơ Trung ương	Đổi tác đổi mới Nông nghiệp Hàn Quốc KOPIA Viện trợ không hoàn lại	75.000 Trong đó 60.000 - ODA 10.000 - Đối ứng	2024-2029
7	Nâng cấp công nghệ, máy móc dệt lụa và xây dựng thương hiệu liên quan đến ngành DTT dựa trên hợp tác đổi mới sáng tạo và sở hữu trí tuệ.	<p>Xây dựng thương hiệu quốc gia cho sản phẩm lụa tơ tằm Việt Nam. (Vietnam Silk);</p> <p>Xây dựng mô hình đổi mới công nghệ dệt lụa tơ tằm cho làng nghề truyền thống kết hợp thương hiệu làng nghề.</p>	Trung tâm Nghiên cứu Dâu tằm tơ Trung ương	Cơ quan sở hữu trí tuệ KIPO Hàn Quốc Viện trợ không hoàn lại	15.000	2026-2029